TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: 02/2018/HSST
Ngày: 30/01/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
------oOo------

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG

TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hoàng Rung K'Nhơn**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: **Cil Pam Ha Lan**
+ Ông: **Âu Văn Nghị**

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa*** : Bà **Hoàng Thị Thanh** –Thư ký Tòa án
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa:*** Ông **K'Đào** – Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đam Rông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 32/2017/HSST ngày 04 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T** ; Sinh năm: 1983; Nơi sinh: Thanh Hóa. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 4/12. Quốc tịch: Việt Nam ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa. Co ông: Phạm Văn Chính; Sinh năm: 1955và bà Phạm Thị Lành ; Sinh năm: 1956. Có vợ là Nguyễn Thị Phượng; Sinh năm: 1987 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Lơ Mu Ha K'R

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ban Quản lý rừng phòng hộ Srêpốk.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trọng Đ. Chức vụ: Phó Trưởng ban phụ trách. Ủy quyền cho ông Dương Mạc T. Chức vụ: Phó trạm trưởng, trạm quản lý và bảo vệ rừng. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu đất sản xuất nên khoảng tháng 3/2017 Phạm Văn T đã vào khoảnh 13, tiểu khu 189 thuộc địa phận xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng dùng dao phát tự chế chặt

phá rừng để lấy đất sản xuất. Bị cáo dùng dao phát tự chế chặt hạ các cây rừng trong vòng 07 ngày, đến ngày 07/3/2017, trong lúc Phạm Văn T đang phá rừng và thu dọn thì bị cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ SêRêPôk phát hiện và lập biên bản vi phạm đối với diện tích rừng bị phá ban đầu là 6.200 m².

Theo kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 15/3/2017 xác định vị trí rừng mà Phạm Văn T đã phá trái pháp luật tại khoảnh 13, tiểu khu 189, diện tích rừng bị thiệt hại là 6.200 m², đối tượng rừng sản xuất, hiện trạng rừng Lồ ô – gỗ tự nhiên, dấu vết chặt hạ bằng dao phát tự chế, mức độ thiệt hại 100%. Lập ô tiêu chuẩn xác định trên diện tích thiệt hại 6.200 m² có trữ lượng lâm sản thiệt hại là 3,311m³ gỗ, tổng số cây lồ ô bị thiệt hại là 2.294 cây. Tại thông báo kết luận số 31 ngày 02/10/2017 của Hội đồng định giá huyện Đam Rông, tổng giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường là 4.960.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông đã truy tố, bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát.

Đại diện Nguyên đơn dân sự là Ban quản lý rừng phòng hộ Sêrêpốk đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Văn T, về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về rừng theo thông báo của Hội đồng định giá huyện Đam Rông là 4.960.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T về tội " Hủy hoại rừng" theo quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 đến 09 tháng tù giam.

Về tang vật vụ án gồm: 01 con dao phát có đặc điểm: dài khoảng 70cm (lưỡi dao bằng thép dài khoảng 30cm, bản rộng từ 03-05cm, cán dao bằng gỗ tre dài 40cm) bị cáo khai sau khi sử dụng chặt phá cây rừng đã bị thất lạc. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không có kết quả.

Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Đam Rông, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về yếu tố cấu thành tội phạm: Theo bị cáo khai do thiếu đất sản xuất nên vào tháng 3/2017 đã dùng dao phát chặt phá rừng trái pháp luật để lấy đất trồng cà phê. Diện tích rừng mà bị phá là 6.200 m2 thuộc khoảnh 13 tiểu khu 189; Đối tượng rừng bị chặt phá là rừng sản xuất, do Ban quản lý rừng phòng hộ SêrêPốk quản lý. Như vậy Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tang vật thu giữ và kết quả khám nghiệm hiện trường, nên đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn T phạm tội hủy hoại rừng. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 189 Bộ luật hình sự.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hậu quả việc làm của bị cáo đã làm cho diện tích đất rừng sản xuất 6.200 m² bị thiệt hại 100%. Tổng giá trị thiệt hại theo Thông báo kết luận số 31 ngày 02/10/2017 của Hội đồng định giá huyện Đam Rông về lâm sản và môi trường là 4.960.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến chế độ bảo vệ và phát triển rừng của Nhà nước, gây tác hại lớn đến tài nguyên của đất nước, làm ảnh hưởng xấu đến khí hậu, môi trường sinh thái, là nguyên nhân gây ra thiên tai, lũ lụt, hạn hán. Ảnh hưởng chung đến đời sống của người dân, vì vậy cần xử phạt bị cáo một cách nghiêm minh để làm gương cho người khác.

Tuy nhiên, xét nhân thân bị cáo là dân lao động, phạm tội lần đầu, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục. Nên Hội đồng xét xử xét cần áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Văn T là hoàn toàn phù hợp. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, để thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tôi biết ăn năn hối cải, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền đia phương và gia đình là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện ban quản lý rừng phòng hộ Sêrêpốk đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho nhà nước số tiền thiệt hại về rừng là 4.960.000đ.

[4]Về xử lý vật chứng: 01 con dao phát có đặc điểm: dài khoảng 70cm (lưỡi dao bằng thép dài khoảng 30cm, bản rộng từ 03-05cm, cán dao bằng gỗ tre dài 40cm) bị cáo khai sau khi sử dụng chặt phá cây rừng đã bị thất lạc. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không có kết quả nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 2, Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định. Đối với khoản tiền án phí DSST do bị cáo có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo, nên miễn án phí DSST cho bị cáo.

Vì những lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn T** phạm tội "Hủy hoại rừng".

Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án 30/01/2018.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND xã B, huyện C, tỉnh Lâm Đồng nơi bị cáo cư trú để theo dõi giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương để theo dõi giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. **Trường hợp những người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự**.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường số tiền thiệt hại 4.960.000đ để sung quỹ nhà nước. Được trừ vào số tiền 3.000.000đ mà bị cáo đã tạm nộp trước theo biên lai số AA/2010/08475 ngày 03/01/2018 của Chi cục thi hành án huyện Đam Rông.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2, Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí DSST cho bị cáo.

Báo cho bị cáo, nguyên đơn dân sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/01/2018) riêng người có nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện Đam Rông;
- Chi Cục THADS huyện Đam Rông;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đam Rông;
- Bị cáo, Các đương sự khác;
- Lưu bộ phận.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Rung K'Nhơn